

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THỎA THUẬN KHUNG MUA SẮM TẬP TRUNG**

**Số: 02/2023/TTK-MĐH**

*Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị công;*

*Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 01/3/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn tổ chức Trung tâm dịch vụ bán đấu giá máy móc, thiết bị;*

*Căn cứ Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc đổi tên và bổ sung nhiệm vụ cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá máy móc, thiết bị tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 7/3/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Công bố danh mục mua sắm tập trung và đơn vị thực hiện mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm tập trung Máy móc, thiết bị văn phòng năm 2023;*

*Căn cứ E- Hồ sơ mời thầu gói thầu số 1: Mua sắm tập trung Máy điều hòa nhiệt độ năm 2023 do Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Xây dựng Đại Phú lập được Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Khánh Hòa phê duyệt theo Quyết định số 120/QĐ-ĐG ngày 14 tháng 4 năm 2023; Công văn số 129/ĐG ngày 17/4/2023 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Khánh Hòa về việc trả lời làm rõ E-HSMT gói thầu số 1: Mua sắm tập trung máy điều hòa nhiệt độ năm 2023; Quyết định số 136/QĐ-ĐG ngày 20/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Khánh Hòa về việc cập nhật, sửa đổi E -*

Hồ sơ mời thầu gói thầu số 1: Mua sắm tập trung Máy điều hòa nhiệt độ năm 2023;

Căn cứ E - Hồ sơ dự thầu Công ty cổ phần Thiết bị Khoa học và Kỹ thuật PCOM và tài liệu làm rõ E - Hồ sơ dự thầu;

Căn cứ Báo cáo đánh giá E - Hồ sơ dự thầu số 386.2023/BCĐG-ĐP ngày 04/5/2023 gói thầu số 1: Mua sắm tập trung Máy điều hòa nhiệt độ năm 2023 của Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Xây dựng Đại Phú;

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-ĐG ngày 16/5/2023 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 1: Mua sắm tập trung Máy điều hòa nhiệt độ năm 2023 thuộc dự toán Mua sắm tập trung máy móc, thiết bị văn phòng năm 2023.

Hôm nay, ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Khánh Hòa, chúng tôi gồm có:

#### **I. Đơn vị mua sắm tập trung (Bên A):**

Tên đơn vị: **TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TỈNH KHÁNH HÒA**  
Quyết định thành lập số: 5061/QĐ-UB ngày 31/12/2000 của UBND tỉnh Khánh Hòa

Mã số quan hệ với NSNN: 1037457 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa

Mã số thuế: 4200324111-001

Đại diện: Bà Nguyễn Bích Phượng - Chức vụ: Q. Giám đốc

Địa chỉ: 77 đường 23/10, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 0258.327698

#### **II. Nhà thầu cung cấp máy móc, thiết bị (Bên B):**

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT PCOM**

Giấy đăng ký kinh doanh số: 3400780751 ngày 16/6/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp.

Mã số thuế: 3400780751

Đại diện: Bà Dương Trúc Sương – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 18 Thủ Khoa Huân, phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Điện thoại: 0252. 3636889

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung mua sắm tập trung với các nội dung như sau:

### **Điều 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa.**

1. Tên hàng hóa (ký, mã hiệu, xuất xứ của hàng hóa theo biểu phạm vi cung cấp) *(Kèm theo Phụ lục 1)*
2. Bảng kê số lượng hàng hóa *(Kèm theo Phụ lục 1)*
  - Trường hợp kinh phí mua sắm hàng hóa của đơn vị trực tiếp sử dụng bị cắt giảm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc trong trường hợp bất khả kháng thì số lượng hàng hóa do Bên A cung cấp được ký kết trong Thỏa thuận khung có thể giảm so với số lượng đã mời thầu.
  - Trường hợp do thừa kinh phí mà các đơn vị trực tiếp sử dụng có nhu cầu chuyển từ loại máy có giá thấp lên loại máy có giá cao; hoặc do không đủ kinh phí nên có nhu cầu chuyển từ loại máy có giá cao xuống loại máy có giá thấp, thì tùy theo khả năng cung cấp của nhà thầu, đơn vị trực tiếp sử dụng và nhà thầu trực tiếp thỏa thuận với nhau và có văn bản thông báo cho Bên A để điều chỉnh số lượng và chủng loại của Thỏa thuận khung.

### **Điều 2. Danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa** *(Kèm theo Phụ lục 2).*

### **Điều 3. Giá hàng hóa.**

1. Tổng giá trị Thỏa thuận khung: **437.550.000 đồng**  
*(Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng)*
2. Đơn giá, giá hàng hóa tương ứng với từng loại hàng hóa tại Điều 1 của Thỏa thuận khung.
3. Giá bán máy móc, thiết bị là sản phẩm chính hãng, mới 100% nguyên đai, nguyên kiện đã bao gồm:
  - Giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí;
  - Giá máy móc thiết bị của sản phẩm chính hãng, mới 100% nguyên đai, nguyên kiện đã bao gồm: thuế, phí, lệ phí (nếu có);
  - Chi phí vận chuyển, bàn giao, bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tại Đơn vị trực tiếp sử dụng;
  - Toàn bộ chi phí vật tư (riêng ống đồng chỉ gồm 5 mét) và công lắp đặt (lắp đặt vị trí bình thường) nhưng chưa bao gồm chi phí tháo dỡ thiết bị cũ, thi công ống âm và điện âm, sơn sửa tường tại các Đơn vị trực tiếp sử dụng.

### **Điều 4. Thanh toán.**

Thời hạn và phương thức thanh toán: theo thỏa thuận tại Hợp đồng mua sắm tài



sản được ký kết giữa Bên B với Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

**Điều 5. Thanh lý Thỏa thuận khung.**

Hai bên sẽ tiến hành thanh lý Thỏa thuận khung sau khi Bên B hoàn thành việc ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận hàng hóa với Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

**Điều 6. Thời gian, địa điểm bàn giao hàng hóa (dự kiến).**

1. Thời gian giao máy móc, thiết bị: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực.

2. Địa điểm giao máy móc, thiết bị: theo Phụ lục 2 đính kèm.

**Điều 7. Lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao; bảo hành, bảo trì; đào tạo, hướng dẫn sử dụng máy móc, thiết bị.**

1. Lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao:

- Bên B bàn giao cho Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản mới 100% theo đúng mô tả được nêu tại Phụ lục 1 kèm theo.

- Linh kiện, vật tư do Bên B cung cấp để lắp đặt máy móc, thiết bị phải mới 100% và phải đảm bảo theo đúng công suất, tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Bên B phải cung cấp cho Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản bản sao y Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa (C/O); chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) khi bàn giao máy móc, thiết bị.

- Bố trí nhân công để lắp đặt máy móc, thiết bị theo đúng tiến độ đã thỏa thuận với Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản; quản lý an toàn, giữ gìn vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ tại công trình; hạn chế làm ảnh hưởng đến hoạt động của Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

2. Bảo hành, bảo trì:

- Bên B có trách nhiệm kích hoạt chế độ bảo hành điện tử máy móc, thiết bị sau khi Bên B và Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký biên bản nghiệm thu.

- Bên B có nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa và dịch vụ sau bán hàng. Đơn vị được ủy quyền thực hiện các dịch vụ này là: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Huy Tuấn Nha Trang; địa chỉ: 118A đường Đồng Nai, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Liên hệ: Anh Nguy, điện thoại: 0905.206.726.

- Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản, Bên B sẽ cử nhân viên kỹ thuật đến đơn vị để tiến hành sửa chữa, khắc phục sự cố.

- Thời gian bảo hành máy móc, thiết bị: Máy móc, thiết bị được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, cụ thể:



+ Dàn lạnh: bảo hành 24 tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao hoàn thành đưa vào sử dụng.

+ Dàn nóng: bảo hành 60 tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao hoàn thành đưa vào sử dụng.

3. Đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản: Bên B có trách nhiệm hướng dẫn sử dụng tài sản cho Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

## **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của các Bên có liên quan**

### **1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.**

- Ký thỏa thuận khung và biên bản thanh lý thỏa thuận khung với Bên B.
- Có văn bản triển khai Thỏa thuận khung gửi cho Bên B và các Đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung.
- Lập danh sách và cung cấp địa chỉ các cơ quan, tổ chức, Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản gửi Bên B (*Phụ lục 2*).
- Giám sát việc thực hiện Thỏa thuận khung của Bên B và việc thực hiện hợp đồng mua sắm tài sản giữa Bên B với Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.
- Tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi từ Bên B và các Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

### **2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B.**

- Ký kết Thỏa thuận khung và thanh lý Thỏa thuận khung với Bên A; ký kết hợp đồng và thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản với Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.
- Có văn bản thông báo cho Bên A về tiến độ ký kết Hợp đồng, lắp đặt, bàn giao hàng hóa với Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.
- Cung cấp đầy đủ các loại máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật liên quan theo đúng số lượng, chủng loại, chất lượng, xuất xứ, quy cách như đã quy định tại Thỏa thuận khung này.
- Thực hiện việc cung cấp, lắp đặt, bàn giao hàng hóa, chứng từ, hóa đơn bán hàng và tài liệu liên quan cho Bên A, Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản theo đúng tiến độ, thời gian đã quy định tại Thỏa thuận khung này.
- Chịu trách nhiệm đảm bảo các biện pháp phòng, chống Covid-19 của các nhân sự trực tiếp thực hiện việc cung cấp, lắp đặt, bảo hành, bảo trì máy móc, thiết bị tại Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.
- Lắp đặt, kiểm tra, chạy thử, nghiệm thu máy móc, thiết bị bảo đảm các yêu cầu, tiêu chuẩn chất lượng và kỹ thuật theo mô tả tại Phụ lục 1 kèm theo Thỏa thuận khung này.
- Chịu trách nhiệm và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về vấn

đề tính hợp pháp của hàng hóa.

- Ký kết biên bản nghiệm thu, bàn giao tiếp nhận tài sản với Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

- Cung cấp bảo lãnh thực hiện Thỏa thuận khung theo quy định tại Biên bản thương thảo đã được ký kết giữa hai bên và tại Thỏa thuận khung này.

- Được thanh toán tiền hàng hóa đã cung cấp theo thỏa thuận được ký kết tại Hợp đồng mua sắm tài sản với Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

3. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp ký hợp đồng mua sắm, sử dụng tài sản.

- Trong vòng 20 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực, Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản phải ký kết hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B căn cứ trên nội dung của Thỏa thuận khung được ký kết giữa Bên A và Bên B.

- Phối hợp và tạo điều kiện cho Bên B trong việc triển khai giao nhận máy móc, thiết bị, lắp đặt, bàn giao, nghiệm thu, vận hành, khai thác, bảo hành, bảo trì máy móc, thiết bị.

- Có quyền từ chối nghiệm thu và không nhận bàn giao máy móc, thiết bị không đúng về số lượng, chất lượng, chủng loại, nguồn gốc theo mô tả tại Phụ lục 1 kèm theo Thỏa thuận khung này; từ chối nghiệm thu đối với vật tư, linh kiện lắp đặt không đạt yêu cầu về công suất và tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Có trách nhiệm giám sát quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị của Bên B.

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho Bên B theo thỏa thuận tại Hợp đồng mua sắm tài sản được ký kết giữa Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và Bên B. Các trường hợp phát sinh chi phí vật tư không bao gồm trong giá máy móc, thiết bị đã quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thỏa thuận khung này thì Đơn vị trực tiếp sử dụng có trách nhiệm thanh toán cho Bên B.

Việc thanh toán tiền mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật, theo thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với Bên B.

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm Thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B.

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản thực hiện các nội dung ký kết hợp đồng; thanh toán; bàn giao, tiếp nhận; quyết toán, thanh lý hợp đồng; bảo hành, bảo trì tài sản thực hiện theo quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.



- Các văn bản (*bản chính*) liên quan bao gồm: Hợp đồng mua sắm tài sản, Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản, giữa Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và Bên B đều phải gửi 01 bản cho Bên A.

### **Điều 9. Bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung.**

1. Hình thức bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung: Nhằm đảm bảo Bên B thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại Thỏa thuận khung này, Bên B phải cung cấp cho Bên A một thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng do một ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành, bảo đảm vô điều kiện và không hủy ngang trước khi Thỏa thuận khung có hiệu lực.

2. Giá trị bảo lãnh thực hiện Thỏa thuận khung: 3% giá trị Thỏa thuận khung, số tiền là: 13.120.000 đồng (*Mười ba triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng*).

3. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung: Bảo đảm phải có hiệu lực kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực cho đến khi hai Bên ký Biên bản thanh lý Thỏa thuận khung.

Trong trường hợp Biên bản thanh lý Thỏa thuận khung giữa hai Bên chưa được ký mà đã hết thời gian thực hiện Thỏa thuận khung là sáu mươi ngày (60 ngày), Bên B có trách nhiệm tự động gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện hợp đồng tương ứng và gửi lại cho Bên A. Trong vòng 05 ngày trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện Thỏa thuận khung và Bên B không gia hạn Bảo lãnh thực hiện Thỏa thuận khung và chưa hoàn thành việc ký Biên bản thanh lý Thỏa thuận khung, Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện Thỏa thuận khung và yêu cầu Ngân hàng phát hành hoàn trả đúng giá trị bảo lãnh.

4. Mọi chi phí liên quan đến việc cung cấp bảo lãnh thực hiện Thỏa thuận khung sẽ do Bên B chi trả.

5. Hoàn trả bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung: Bên A sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung cho Bên B ngay sau khi hai bên ký Biên bản thanh lý Thỏa thuận khung.

6. Bên B không được hoàn trả bảo lãnh thực hiện Thỏa thuận khung trong các trường hợp sau đây:

- Từ chối không thực hiện Thỏa thuận khung với Bên A hoặc Hợp đồng mua sắm tài sản với Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản khi Thỏa thuận khung hoặc Hợp đồng mua sắm tài sản có hiệu lực;

- Vi phạm các nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Thỏa thuận khung hoặc Hợp đồng mua sắm tài sản;

- Thực hiện Thỏa thuận khung chậm tiến độ đã cam kết nhưng không gia hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện Thỏa thuận khung.





**Điều 10. Thời hạn có hiệu lực của Thỏa thuận khung.**

1. Thỏa thuận khung có hiệu lực sau 03 (ba) ngày kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản để ký kết Hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B.

**Điều 11. Xử phạt do vi phạm thỏa thuận khung.**

1. Trường hợp vi phạm gây thiệt hại cho Bên A, mức bồi thường thiệt hại do vi phạm Thỏa thuận khung căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành và thỏa thuận giữa Bên A và Bên B.
2. Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu Bên B không thực hiện đúng tiến độ quy định của Thỏa thuận khung thì Bên B sẽ phải chịu mức phạt là 01% (một phần trăm)/ngày giá trị phần công việc chậm tiến độ nhưng tối đa không vượt quá 08% (tám phần trăm) giá trị phần công việc chậm tiến độ theo quy định của Thỏa thuận khung.

**Điều 12. Các nội dung liên quan khác.**

1. Hợp đồng mua sắm tài sản giữa Bên B và Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản phải được ký kết trong vòng 20 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực.
2. Hợp đồng mua sắm tài sản được lập thành văn bản theo mẫu số 05a/TSC-MSTT kèm theo Thỏa thuận khung này.
3. Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành văn bản theo mẫu số 06/TSC-MSTT kèm theo Thỏa thuận khung này.
4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan tới Thỏa thuận khung này sẽ được các bên giải quyết trước tiên bằng phương pháp thương lượng dựa trên tinh thần thiện chí và hợp tác. Trong trường hợp việc thương lượng không có kết quả, sau thời gian 30 ngày kể từ khi phát sinh tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
5. Trong trường hợp một phần của Thỏa thuận khung này vô hiệu thì phần còn lại của Thỏa thuận khung vẫn có hiệu lực ràng buộc các Bên. Mọi sửa đổi và bổ sung cho Thỏa thuận khung này sẽ chỉ có hiệu lực khi được làm thành văn bản và có đầy đủ chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai Bên. Thỏa thuận khung hết hiệu lực khi các Bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của mình và tiến hành ký Biên bản thanh lý Thỏa thuận khung.
6. Thỏa thuận khung này được làm thành 24 bản có giá trị pháp lý như nhau: Bên A và Bên B (mỗi bên giữ 02 bản); gửi đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung (mỗi đơn vị 01 bản); gửi đơn vị trực tiếp sử dụng (mỗi đơn vị 01 bản); Sở Tư pháp, Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước các cấp (mỗi đơn vị 01 bản).

7. Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa ký hợp đồng mua sắm hàng hóa với nhà thầu cung cấp hàng hóa./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU  
CUNG CẤP MÁY MÓC, THIẾT BỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*[Handwritten signature]*

*Dương Đức Phương*

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ  
MUA SẮM TẬP TRUNG**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



*[Handwritten signature]*







# PHỤ LỤC 1: DANH MỤC VÀ ĐƠN GIÁ MÁY MÓC, THIẾT BỊ

(Kèm theo Thỏa thuận khung mua sắm tập trung số 02/2023/TTK-MĐH - Ngày 19/5/2023 -

Gói thầu số 1: Mua sắm tập trung Máy điều hòa nhiệt độ năm 2023)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa	Xuất xứ	Mô tả hàng hóa	Số lượng (cái)	Giá trúng thầu (đồng)
1	Máy điều hòa nhiệt độ loại 01	MITSUBISHI ELECTRIC MS-JS25VF/MU-JS25VF - 1HP	Thái Lan	<b>MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ 1 HP (Loại treo tường - Không Inverter - 1 chiều làm lạnh)</b> Tên model dàn lạnh: MS-JS25VF Tên model dàn nóng: MU-JS25VF Công suất Danh định: 2.7kW - 9,212Btu/h Tiêu thụ điện: 0.77KW Hiệu suất năng lượng: 3.72(TCVN 7830:2015) Môi chất lạnh: R32 Dòng điện vận hành (A): 3.5 Lưu lượng gió (Cao nhất) (m <sup>3</sup> /phút): 11.3 Kích thước dàn lạnh (Dài x rộng x sâu)(mm): 799 x 290 x 232 Kích thước dàn nóng (Dài x rộng x sâu)(mm): 718 x 525 x 255 Trọng lượng dàn lạnh (Kg): 9 Trọng lượng dàn nóng (Kg): 24.5 Độ ồn dàn lạnh (Thấp nhất- Cao nhất)(dB): 25-44 Độ ồn dàn nóng (Cao nhất) (dB): 47 Khả năng hút ẩm (l/h): 0.5 Kích cỡ ống Gas (Đường kính ngoài)(mm): 9.52 Kích cỡ ống chất lỏng (Đường kính ngoài)(mm): 6.35 Nguồn cấp điện: Dàn lạnh Độ dài tối đa của ống (m): 20	15	8.700.000



STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa	Xuất xứ	Mô tả hàng hóa	Số lượng (cái)	Giá trúng thầu (đồng)
				<p>Chênh lệch độ cao tối đa của ống(m): 10</p> <p><b>Tính năng</b>            Tiết kiệm điện thông minh            Chức năng Fuzzy logic "I feel"            Vệ sinh dễ dàng            Màn lọc chống nấm mốc            Lớp phủ kép chống bám bẩn            Lớp phủ chống bám bẩn            Luồng gió thổi xa và rộng            Làm lạnh nhanh            Hẹn giờ bật tắt 24 tiếng            Tự khởi động lại            Lớp phủ chống ăn mòn muối biển            Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 02 năm cho dàn lạnh và 05 năm cho dàn nóng.</p>		
2	Máy điều hòa nhiệt độ loại 02	MITSUBISHI ELECTRIC MSY-JW25VF/MUY-JW25VF -1HP	Thái Lan	<p><b>MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ 1 HP (Loại treo tường - Inverter - 1 chiều làm lạnh)</b>            Tên model dàn lạnh: MSY-JW25VF            Tên model dàn nóng: MUY-JW25VF            Công suất Danh định (Thấp -Cao): 2.6(0.8-2.7)kW-8.871(2.73-9.212)Btu/h            Tiêu thụ điện: 0.990 kW            Hiệu suất năng lượng: 5.29(TCVN 7830:2015)            Môi chất lạnh: R32            Dòng điện vận hành (A): 5            Lưu lượng gió (Cao nhất) (m<sup>3</sup>/phút): 12.5            Kích thước dàn lạnh (Dài x rộng x sâu)(mm): 838 x 280 x 228            Kích thước dàn nóng (Dài x rộng x sâu)(mm): 660 x 454 x 235</p>	2	10.250.000

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa	Xuất xứ	Mô tả hàng hóa	Số lượng (cái)	Giá trúng thầu (đồng)
				Trọng lượng dàn lạnh (Kg): 8.0 Trọng lượng dàn nóng (Kg): 18.0 Độ ồn dàn lạnh (Thấp nhất – Cao nhất)(dB): 21-43 Độ ồn dàn nóng (Cao nhất)(dB): 50 Khả năng hút ẩm (l/h): 0.5 Kích cỡ ống Gas (Đường kính ngoài)(mm): 9.52 Kích cỡ ống chất lỏng (Đường kính ngoài)(mm): 6.35 Nguồn cấp điện: Dàn nóng Độ dài tối đa của ống (m): 20 Chênh lệch độ cao tối đa của ống(m): 12 <b>Tính năng</b> Tiết kiệm điện Vận hành cực êm Màn lọc chống nấm mốc Lớp phủ kép chống bám bẩn (Line Flow Fan) Màn lọc PM 2.5 (Tùy chọn) Màn lọc Enzyme chống dị ứng (Tùy chọn) Làm lạnh nhanh Chế độ ngủ Lớp phủ chống ăn mòn muối biển Báo lỗi trên remote Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 02 năm cho dàn lạnh và 05 năm cho dàn nóng.		
3	Máy điều hòa nhiệt độ loại 03	MITSUBISHI ELECTRIC MS-JS35VF/MU-JS35VF -1,5HP	Thái Lan	<b>MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ 1,5 HP (Loại treo tường - Không Inverter - 1 chiều làm lạnh)</b> Tên model dàn lạnh: MS-JS35VF Tên model dàn nóng: MU-JS35VF	12	10.800.000



STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa	Xuất xứ	Mô tả hàng hóa	Số lượng (cái)	Giá trúng thầu (đồng)
				<p>Công suất Danh định: 3.6kW - 12,283Btu/h  Tiêu thụ điện: 1.03KW  Hiệu suất năng lượng: 3.71(TCVN 7830:2015)  Môi chất lạnh: R32  Dòng điện vận hành (A): 4.8  Lưu lượng gió (Cao nhất) (m<sup>3</sup>/phút): 15.4  Kích thước dàn lạnh (Dài x rộng x sâu)(mm): 799 x 290 x 232  Kích thước dàn nóng (Dài x rộng x sâu)(mm): 718 x 525 x 255  Trọng lượng dàn lạnh (Kg): 9.5  Trọng lượng dàn nóng (Kg): 31.5  Độ ồn dàn lạnh (Thấp nhất- Cao nhất)(dB): 28-48  Độ ồn dàn nóng (Cao nhất) (dB): 50  Khả năng hút ẩm (l/h): 0.6  Kích cỡ ống Gas (Đường kính ngoài)(mm): 12.7  Kích cỡ ống chất lỏng (Đường kính ngoài)(mm): 6.35  Nguồn cấp điện: Dàn lạnh  Độ dài tối đa của ống (m): 20  Chênh lệch độ cao tối đa của ống(m): 10</p> <p><b>Tính năng</b>  Tiết kiệm điện thông minh  Chức năng Fuzzy logic "I feel"  Vệ sinh dễ dàng  Màng lọc chống nấm mốc  Lớp phủ kép chống bám bẩn  Lớp phủ chống bám bẩn  Luồng gió thổi xa và rộng  Làm lạnh nhanh  Hẹn giờ bật tắt 24 tiếng</p>		

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa	Xuất xứ	Mô tả hàng hóa	Số lượng (cái)	Giá trúng thầu (đồng)
				Tự khởi động lại Lớp phủ chống ăn mòn muối biển Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 02 năm cho dàn lạnh và 05 năm cho dàn nóng.		
4	Máy điều hòa nhiệt độ loại 04	<p>MITSUBISHI ELECTRIC MSY-JW35VF/MUY-JW35VF- 1,5HP</p>	Thái Lan	<p><b>MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ 1,5 HP (Loại treo tường - Inverter - 1 chiều làm lạnh)</b>  Tên model dàn lạnh: MSY-JW35VF  Tên model dàn nóng: MUY-JW35VF  Công suất Danh định (Thấp -Cao): 3.6(0.9-3.7)kW- 12.283(3.071-12.624)Btu/h  Tiêu thụ điện: 1.33 kW  Hiệu suất năng lượng: 5.49(TCVN 7830:2015)  Môi chất lạnh: R32  Dòng điện vận hành (A): 6.4  Lưu lượng gió (Cao nhất) (m<sup>3</sup>/phút): 12.3  Kích thước dàn lạnh (Dài x rộng x sâu)(mm): 838 x 280 x 228  Kích thước dàn nóng (Dài x rộng x sâu)(mm): 699 x 538 x 249  Trọng lượng dàn lạnh (Kg): 8.5  Trọng lượng dàn nóng (Kg): 21  Độ ồn dàn lạnh (Thấp nhất – Cao nhất)(dB): 22-43  Độ ồn dàn nóng (Cao nhất)(dB): 51  Khả năng hút ẩm (l/h): 1.2  Kích cỡ ống Gas (Đường kính ngoài)(mm): 9.52  Kích cỡ ống chất lỏng (Đường kính ngoài)(mm): 6.35  Nguồn cấp điện: Dàn nóng  Độ dài tối đa của ống (m): 20  Chênh lệch độ cao tối đa của ống(m): 12</p>	1	12.250.000

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa	Xuất xứ	Mô tả hàng hóa	Số lượng (cái)	Giá trúng thầu (đồng)
				<b>Tính năng</b> Tiết kiệm điện Vận hành cực êm Màng lọc chống nấm mốc Lớp phủ kép chống bám bẩn (Line Flow Fan) Màng lọc PM 2.5 (Tùy chọn) Màng lọc Enzyme chống dị ứng (Tùy chọn) Làm lạnh nhanh Chế độ ngủ Lớp phủ chống ăn mòn muối biển Báo lỗi trên remote Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 02 năm cho dàn lạnh và 05 năm cho dàn nóng.		
5	Máy điều hòa nhiệt độ loại 05	MITSUBISHI ELECTRIC MS-JS50VF/MU-JS350VF -1,5HP	Thái Lan	<b>MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ 2,0 HP (Loại treo tường - Không Inverter - 1 chiều làm lạnh)</b> Tên model dàn lạnh: MS-JS50VF Tên model dàn nóng: MU-JS50VF Công suất Danh định: 5.2kW - 17,742Btu/h Tiêu thụ điện: 1.6KW Hiệu suất năng lượng: 3.45(TCVN 7830:2015) Môi chất lạnh: R32 Dòng điện vận hành (A): 7.5 Lưu lượng gió (Cao nhất) (m <sup>3</sup> /phút): 18.8 Kích thước dàn lạnh (Dài x rộng x sâu)(mm): 923 x 305 x 250 Kích thước dàn nóng (Dài x rộng x sâu)(mm): 718 x 550 x 285 Trọng lượng dàn lạnh (Kg): 13 Trọng lượng dàn nóng (Kg): 34 Độ ồn dàn lạnh (Thấp nhất- Cao nhất)(dB): 34-49	8	15.800.000



STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa	Xuất xứ	Mô tả hàng hóa	Số lượng (cái)	Giá trúng thầu (đồng)
				Độ ồn dàn nóng (Cao nhất) (dB): 51 Khả năng hút ẩm (l/h): 1.2 Kích cỡ ống Gas (Đường kính ngoài)(mm): 12.7 Kích cỡ ống chất lỏng (Đường kính ngoài)(mm): 6.35 Nguồn cấp điện: Dàn lạnh Độ dài tối đa của ống (m):30 Chênh lệch độ cao tối đa của ống(m): 10 <b>Tính năng</b> Tiết kiệm điện thông minh Chức năng Fuzzy logic "I feel" Vệ sinh dễ dàng Màn lọc chống nấm mốc Lớp phủ kép chống bám bẩn Lớp phủ chống bám bẩn Luồng gió thổi xa và rộng Làm lạnh nhanh Hẹn giờ bật tắt 24 tiếng Tự khởi động lại Lớp phủ chống ăn mòn muối biển Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 02 năm cho dàn lạnh và 05 năm cho dàn nóng.		
6	Máy điều hòa nhiệt độ loại 06	MITSUBISHI ELECTRIC MSY-JW50VF/MUY-JW50VF- 2,0HP	Thái Lan	<b>MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ 2,0 HP (Loại treo tường - Inverter - 1 chiều làm lạnh)</b> Tên model dàn lạnh: MSY-JW50VF Tên model dàn nóng: MUY-JW50VF Công suất Danh định (Thấp -Cao): 5.2(1.3-5.3)kW-17.742(4.436-18.084)Btu/h	1	18.300.000

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa	Xuất xứ	Mô tả hàng hóa	Số lượng (cái)	Giá trúng thầu (đồng)
				<p>Tiêu thụ điện: 1.94 kW  Hiệu suất năng lượng: 5.09(TCVN 7830:2015)  Môi chất lạnh: R32  Dòng điện vận hành (A):8.9  Lưu lượng gió (Cao nhất) (m<sup>3</sup>/phút): 15.3  Kích thước dàn lạnh (Dài x rộng x sâu)(mm): 838 x 280 x 228  Kích thước dàn nóng (Dài x rộng x sâu)(mm): 800 x 550 x 235  Trọng lượng dàn lạnh (Kg): 9.0  Trọng lượng dàn nóng (Kg): 31.5  Độ ồn dàn lạnh (Thấp nhất – Cao nhất)(dB): 28-49  Độ ồn dàn nóng (Cao nhất)(dB): 52  Khả năng hút ẩm (l/h): 2.0  Kích cỡ ống Gas (Đường kính ngoài)(mm): 12.7  Kích cỡ ống chất lỏng (Đường kính ngoài)(mm): 6.35  Nguồn cấp điện: Dàn nóng  Độ dài tối đa của ống (m): 20  Chênh lệch độ cao tối đa của ống(m): 12</p> <p><b>Tính năng</b>  Tiết kiệm điện  Vận hành cực êm  Màng lọc chống nấm mốc  Lớp phủ kép chống bám bẩn (Line Flow Fan)  Màng lọc PM 2.5 (Tùy chọn)  Màng lọc Enzyme chống dị ứng (Tùy chọn)  Làm lạnh nhanh  Chế độ ngủ  Lớp phủ chống ăn mòn muối biển  Báo lỗi trên remote</p>		

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa	Xuất xứ	Mô tả hàng hóa	Số lượng (cái)	Giá trúng thầu (đồng)
				Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 02 năm cho dàn lạnh và 05 năm cho dàn nóng.		

**Ghi chú:**

- Giá trúng thầu là giá máy móc thiết bị của sản phẩm chính hãng, mới 100% nguyên đai, nguyên kiện đã bao gồm: thuế, phí, lệ phí (nếu có); chi phí vận chuyển, bàn giao, bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tại đơn vị sử dụng; toàn bộ chi phí vật tư (riêng ống đồng chỉ gồm 5 mét) và công lắp đặt (lắp đặt vị trí bình thường) nhưng chưa bao gồm chi phí tháo dỡ thiết bị cũ, thi công ống âm và điện âm, sơn sửa tường tại các đơn vị trực tiếp sử dụng.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG MUA SẴM TÀI SẢN

Số:.....

(Áp dụng cho trường hợp mua sắm theo cách thức ký thỏa thuận khung)

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số..... ngày... tháng... năm... giữa (tên đơn vị mua sắm tập trung) và (tên nhà thầu cung cấp tài sản, hàng hóa, dịch vụ);

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ....., tại ....., chúng tôi gồm có:

**I. Nhà thầu cung cấp tài sản:**

Tên đơn vị: .....

Giấy đăng ký kinh doanh số: ..... ngày ..... do  
..... cấp.

Quyết định thành lập số: ..... ngày ..... của .....

Mã số thuế: .....

Đại diện bởi: ....., chức vụ .....

**II. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Bên mua sắm tài sản):**

Tên đơn vị: .....

Quyết định thành lập số: ..... ngày ..... của .....

Mã số quan hệ với NSNN: .....

Mã số thuế (nếu có): .....

Đại diện bởi: ....., chức vụ .....

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua sắm tài sản với các nội dung như sau:

**Điều 1. Chủng loại, số lượng tài sản**

1. Chủng loại tài sản mua sắm.

2. Số lượng tài sản mua sắm.

**Điều 2. Giá bán tài sản**

Giá bán tài sản tương ứng với từng loại tài sản tại Điều 1 của Hợp đồng.

**Điều 3. Phương thức và thời hạn thanh toán**

1. Phương thức thanh toán

2. Thời hạn thanh toán

**Điều 4. Thời gian, địa điểm giao, nhận tài sản**

1. Thời gian giao, nhận tài sản

2. Địa điểm giao, nhận tài sản.

**Điều 5.** Quyền và nghĩa vụ của các bên.

1. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu cung cấp tài sản:

a) Quyền và nghĩa vụ bảo hành, bảo trì tài sản.

b) Quyền và nghĩa vụ đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản (nếu có).

c) Quyền và nghĩa vụ khác.

2. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

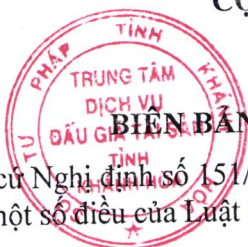
**Điều 6.** Chế độ xử phạt do vi phạm hợp đồng.

Hợp đồng này được làm thành.... bản có giá trị pháp lý như nhau; cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản, nhà thầu cung cấp tài sản (mỗi bên giữ 02 bản); gửi 01 bản cho đơn vị mua sắm tập trung./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU  
CUNG CẤP TÀI SẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN  
VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN**

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số.... ký ngày... tháng... năm giữa (tên nhà thầu cung cấp tài sản) và (tên đơn vị mua sắm tập trung)<sup>1</sup>;

Căn cứ Hợp đồng mua sắm tài sản số ..... ký ngày... tháng... năm ..... giữa (tên đơn vị mua sắm tập trung) và (tên nhà thầu cung cấp tài sản);

Hôm nay, ngày... tháng... năm ....., tại ....., chúng tôi gồm có:

**I. Đại diện nhà thầu cung cấp tài sản (bên giao):**

Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....

Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....

**II. Đại diện đơn vị mua sắm tập trung<sup>2</sup>:**

Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....

Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....

**III. Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (bên nhận):**

Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....

Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....

Thông nhất thực hiện nghiệm thu, bàn giao và tiếp nhận tài sản như sau:

1. Tài sản thực hiện bàn giao, tiếp nhận:

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá mua (đồng)	Thành tiền (đồng)	Hiện trạng tài sản bàn giao
1						
2						
...						
...	<b>Cộng:</b>					

2. Các hồ sơ về tài sản bàn giao, tiếp nhận: .....

3. Ý kiến của các bên giao, bên nhận (nếu có): .....

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU  
 CUNG CẤP TÀI SẢN**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng  
 dấu)

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ  
 MUA SẮM TẬP TRUNG<sup>(2)</sup>**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng  
 dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN,  
 TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRỰC  
 TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>1</sup> Được áp dụng trong trường hợp mua sắm tập trung theo cách thức ký thỏa thuận khung.

<sup>2</sup> Được áp dụng trong trường hợp mua sắm tập trung theo cách thức ký hợp đồng trực tiếp.